Đổi mới tư duy về chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng của Việt Nam

PGS, TS HOÀNG PHÚC LÂM
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Email: hoangphuclam@hcma.vn

Nhận ngày 9 tháng 12 năm 2021; chấp nhận đăng tháng 1 năm 2022.

Tóm tắt: *Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra đường lối mở cửa kinh tế, chuyển nền kinh tế sang kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cùng với đó, Đảng ta đã từng bước mở rộng, hoàn thiện nhận thức về nhu cầu hội nhập quốc tế một cách chủ động, tích cực, toàn diện, sâu rộng phù hợp với điều kiện của đất nước và yêu cầu thực tiễn đặt ra, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Bài viết này tập trung làm rõ sự đổi mới tư duy chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng của Việt Nam trên 02 phương* diện: *(1) Đổi mới tư duy đối ngoại và (2) Đổi mới tư duy hội nhập quốc tế.*
Từ khóa: *hội nhập quốc tế; đổi mới tư duy; tư duy đối ngoại.*

Abstract: *As part of their leadership in the innovation process, our Party and State have followed policies of opening the economy, transforming into a market economy and integrating into the global economy. Meanwhile, our Party has gradually expanded and perfected its awareness of the need for proactive, active, comprehensive, and extensive international integration in accordance with the country's conditions and practical requirements. It contributes to boost economic growth; ensure security, sovereignty, territorial integrity and enhance the country's position internationally. This article focuses on clarifying Vietnam's proactive innovative thinking and its active, thorough, extensive international integration from two perspectives: (1) renovating foreign policy thinking and (2) renovating international integration thinking.*
Keywords: *international integration; renovating thinking; foreign policy thinking.*

Hiện nay, hội nhập quốc tế đã trở thành nét đặc trưng và là xu thế lớn trong sự phát triển của thế giới hiện đại, chi phối, quyết định các mối quan hệ quốc tế, tương tác giữa các quốc gia, làm thay đổi cấu trúc ở các khu vực và trên toàn cầu. Với Việt Nam, hội nhập quốc tế là một quyết sách chiến lược, gắn với nhu cầu phát triển nội tại của đất nước và xuất phát từ những xu thế, chuyển biến của môi trường quốc tế bên ngoài. Hội nhập quốc tế với quan điểm "*Chủ động và tích cực, toàn diện và sâu rộng*" là quá trình tìm tòi, trải nghiệm, liên tục đổi mới nhận thức về thế giới cũng như *tư duy đối ngoại* trên cơ sở các xu thế quốc tế, nhất là xu thế đề cao lợi ích quốc gia dân tộc, cùng những giá trị truyền thống, bản sắc của dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại, tuân thủ những quan điểm cơ bản của các lý thuyết quan hệ quốc tế đương đại cùng những đòi hỏi của thực tiễn khu vực, thế giới.

1. Đổi mới tư duy đối ngoại

Trong hoạch định đường lối và chính sách đối ngoại, điều có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là nhận thức sao cho chuẩn xác những xu thế phát triển của thế giới khách quan. Công việc này hoàn toàn không đơn giản, vì tình hình thế giới vốn rất đa dạng, biến động không ngừng, mà những nguyên nhân sâu xa dẫn đến những biến động đó thường bắt nguồn trong chiều dày lịch sử, ẩn sâu trong những nhân tố chủ quan và khách quan không dễ gì nắm bắt. Do đó, bước vào giai đoạn đổi mới, mở cửa hội nhập quốc tế, Đảng ta đã dành nhiều công sức và trí tuệ để đổi mới tư duy, đánh giá lại cục diện thế giới, xác định đường lối và chính sách đối ngoại. Trong suốt hơn 35 năm qua, tư duy đối ngoại đổi mới thể hiện trên những nội dung

chính sau: (i) Đổi mới nhận thức về đặc điểm, mâu thuẫn, xu thế phát triển của thế giới; (ii) Đổi mới quan điểm về các vấn đề an ninh và phát triển; dân tộc và giai cấp; tập hợp lực lượng; (iii) Đổi mới đường lối, chính sách, tư tưởng chỉ đạo, phương châm đối ngoại. Cụ thể:

(i) Đổi mới nhận thức về đặc điểm, mâu thuẫn, xu thế phát triển của thế giới: Trước những diễn biến vô cùng phức tạp của thế giới, đặc biệt sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Đông Âu và Liên Xô, vấn đề thời đại trở thành một tiêu điểm nóng bỏng của cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận. Vì như V.I.Lênin đã nói: "Chỉ có trên cơ sở này, nghĩa là trước hết xem xét những nét khác nhau cơ bản của các thời đại (chứ không phải của các giai đoạn lịch sử cá biệt ở các nước) thì chúng ta mới có thể định ra đúng đắn sách lược của chúng ta"[1]. Do đó, nếu không làm rõ được tính chất của thời đại thì cũng không thể xác định được phương hướng tiến lên của đất nước, không thể tập hợp được quảng đại quần chúng, không thể định ra chính sách đối nội, đối ngoại phù hợp, không thể đấu tranh có hiệu quả với các tư tưởng và hành vi thù địch với đất nước và chế độ. Trước cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận quyết liệt đó, với thái độ bình tĩnh, tỉnh táo, dựa trên sự phân tích khoa học, trong Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII, Đảng ta đã khẳng định: "Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới CNXH vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử"[2]. Đại hội VIII của Đảng tiếp tục nêu: "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội (CNXH) tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất thời đại; loài người vẫn đang trong thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH"[3]. Đại hội IX một lần nữa nhấn mạnh: "Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới CNXH"[4]. Như vậy là, trước những biến động Đảng vẫn kiên định với phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định quy luật tiến hoá của lịch sử.

Điểm mới trước tiên trong tư duy là: Đảng đã đánh giá đúng, chỉ rõ sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở Liên Xô - Đông Âu không đồng nghĩa với sự cáo chung của CNXH, mà chỉ bộc lộ những sai lầm, lệch lạc trong việc vận dụng học thuyết đó như bệnh chủ quan duy ý chí, đốt cháy giai đoạn, xem thường các quy luật kinh tế khách quan, duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xem thường sản xuất hàng hoá và quy luật giá trị cũng như tác dụng của cơ chế thị trường, chậm trễ trong việc ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại, làm cho nền kinh tế trì trệ, đời sống nhân dân chậm được cải thiện. Từ đó, các thế lực thù địch với CNXH đã khai thác những sai lầm, lệch lạc nảy sinh trong lòng các nước XHCN, tác động vào nội bộ, làm mất uy tín của Đảng của chế độ, kích động bạo loạn và hoạt động lật đổ...

Thứ hai, Đảng đã mạnh dạn điều chỉnh một số nhận thức trước đây không còn phù hợp. Một là, khác với nhận định về tính chất thời đại được nêu lên tại Hội nghị Trung ương 9, khoá III năm 1963, Đảng không coi sự thắng lợi của CNXH và chủ nghĩa cộng sản (CNCS) trên phạm vi toàn thế giới như một khả năng trực tiếp mà nhấn mạnh tính phức tạp, lâu dài của con đường tiến tới những mục tiêu đó. Hai là, đối với chủ nghĩa tư bản (CNTB), một mặt Đảng chỉ ra bản chất và những mâu thuẫn trong lòng chúng, mặt khác nhìn nhận một cách khách quan khả năng của CNTB thích nghi với những biến đổi của thời cuộc, từ đó không còn coi sự sụp đổ của CNTB thế giới như một khả năng xảy ra trong tương lai gần.

Thứ ba, Đảng có nhiều sự đổi mới trong nhận thức về những mâu thuẫn của thời đại. Đảng luôn nhấn mạnh rằng, những mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, thậm chí có mặt sâu sắc hơn, đồng thời khẳng định nội dung và hình thức biểu hiện của những mâu thuẫn khách quan trên thế giới có nhiều nét mới. Đó là, "mâu thuẫn cơ bản vốn có của CNTB giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc" đi đôi với mâu thuẫn "giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển"[5].

Thứ tư, Đảng có cách tiếp cận mới về xu thế phát triển của thế giới. Từ Đại hội VI, Đảng đã chỉ ra xu thế quốc tế hoá của nền kinh tế thế giới và sự hình thành một thị trường toàn cầu; tiếp đến Đại hội IX đã chỉ rõ xu thế toàn cầu hóa là xu thế khách quan. Nhờ xu thế này mà các nước có thể mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ, tranh thủ thêm vốn đầu tư, công nghệ, thông tin, tìm kiếm việc làm để phát triển. Đó

là mặt tích cực của xu thế toàn cầu hoá. Bên cạnh đó, Đảng cũng chỉ rõ rằng, xu thế này ẩn chứa nhiều mặt tiêu cực vì dù sao đi nữa các nước tư bản phát triển vẫn nắm vai trò chủ đạo trên thị trường thế giới, do đó quy luật "mạnh được yếu thua" vẫn ngự trị.

Từ Đại hội IX đến Đại hội XIII, Đảng nêu thêm "hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn", là mong mỏi và nguyện vọng thiết tha của mọi dân tộc, nhưng, "song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn"[6]. Và khẳng định: "Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển"[7], đồng thời chỉ rõ các hiện tượng trái chiều đang nổi lên, trong đó có sự gia tăng của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn…

Như vậy là, tư duy duy vật biện chứng, cách nhìn nhận toàn diện, khách quan, khoa học cả hai mặt thách thức và cơ hội của tình hình quốc tế được Đảng khẳng định. Cách nhìn nhận biện chứng đó cho thấy sự cần thiết tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời cần linh hoạt về sách lược, nâng cao khả năng chủ động ứng phó đối với những thách thức trong đời sống quốc tế, nhằm giữ vững môi trường hòa bình ổn định, tranh thủ tối đa thuận lợi và nguồn lực bên ngoài phục vụ cho phát triển đất nước.

(ii) Đổi mới quan điểm về các vấn đề an ninh và phát triển; dân tộc và giai cấp; tập hợp lực lượng: Đảng có sự đổi mới tư duy sâu sắc về vấn đề hoà bình và chiến tranh, về an ninh và phát triển, những vấn đề cực kỳ hệ trọng đối với vận mệnh của các dân tộc, trong đó có dân tộc ta, đồng thời ảnh hưởng sâu sắc tới việc hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại. Nếu như Đại hội VI vẫn còn cho rằng, chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân lại lớn như hiện nay, thì Đại hội VIII đã nhận định "Nguy cơ chiến tranh thế giới huỷ diệt bị đẩy lùi"[8] và Đại hội IX còn tiến xa hơn nữa khi đưa ra nhận định "Trong vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới"[9].

Trước những chuyển động về địa chính trị ở châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á khi bước sang thế kỷ XXI, từ Đại hội IX đến Đại hội XIII, Đảng đã chỉ rõ các thách thức liên quan mật thiết đến an ninh và phát triển của Việt Nam. Đảng khẳng định khu vực này "có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng" nhưng chỉ ra rõ các nguy cơ "cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn"[10]. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Bên cạnh đó, Đảng cũng nhận diện rõ những thách thức an ninh phi truyền thống đang nổi lên: "Những vấn đề toàn cầu như bảo vệ hòa bình, an ninh con người, thiên tai, dịch bệnh, an ninh xã hội và an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường,… tiếp tục diễn biến phức tạp"[11].

Những đánh giá trên bắt nguồn từ nhận thức và khát vọng của nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân thế giới đối với hoà bình, ổn định và phát triển. Đồng thời cho thấy môi trường an ninh và phát triển của nước ta trong thời gian tới đứng trước nhiều vấn đề mới, khó khăn, phức tạp hơn. Nhận định trên cũng phản ánh tư duy an ninh toàn diện của Việt Nam và đặt ra yêu cầu phải bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước còn chưa nguy trong hội nhập quốc tế.

Về vấn đề dân tộc và giai cấp, tư duy mới phản ánh bao quát hơn, sâu sắc hơn bức tranh toàn cảnh ở các nước tư bản chủ nghĩa khi nhiều tầng lớp nhân dân, chứ không chỉ giai cấp công nhân tham gia cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; các tập đoàn độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn giành giật nhau gay gắt, nhiều khi đưa tới các cuộc xung đột, các cuộc chiến tranh kinh tế - thương mại khốc liệt. Đảng nhấn mạnh trong bối cảnh mới "mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển tăng lên"[12]. Đảng cũng chỉ rõ "những sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và sự đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của CNTB"[13] vì hệ thống XHCN thế giới có còn tồn tại và có hùng mạnh đến đâu đi nữa cũng không thể "xuất khẩu cách mạng", thay thế cho sự vận động của những mâu thuẫn trong lòng CNTB, làm thay nhân dân lao động của chính các nước đó.

Về tập hợp lực lượng, trong bối cảnh quan hệ quốc tế phát triển theo xu hướng hoà dịu nhưng năng động và phức tạp hơn. Các khuôn khổ quan hệ quốc tế cũ bị đảo lộn, nhiều vấn đề mới nảy sinh tác động đến lợi ích nhiều mặt của Việt Nam. Đòi hỏi mới về tập hợp lực lượng là, trong mở cửa đối ngoại, hội nhập có sự tham gia của các nước có chế độ chính trị - xã

hội khác nhau trong các tổ chức, các liên kết nhằm giải quyết các vấn đề quốc tế trên cơ sở đảm bảo lợi ích của các quốc gia. Những lợi ích đó có thể mang tính tổng thể (cùng giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu bức xúc, những vấn đề mang tính toàn nhân loại…), hoặc chỉ mang tính bộ phận (lợi ích chính trị, lợi ích kinh tế, lợi ích an ninh, lợi ích phát triển…). Do đó, nét mới trong tư duy tập hợp lực lượng của Đảng là cũng thay đổi theo hướng linh hoạt, mềm dẻo, tăng cường hợp tác, tránh đối đầu và chiến tranh, giải quyết mọi vấn đề bằng thương lượng hoà bình. Khác với trước đây, việc liên kết, tập hợp lực lượng chủ yếu theo chế độ chính trị, ý thức hệ, thì nay tập hợp mang tính "mở" hơn, toàn diện, đa dạng về hình thái, thành phần và đề cao lợi ích quốc gia dân tộc.

(iii) Đổi mới đường lối, chính sách đối ngoại. Đảng đã có những đổi mới rất sâu sắc về đường lối và chính sách đối ngoại.

Về mục tiêu đối ngoại, đây là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu. Bởi vì, hoạt động đối ngoại không theo đuổi những mục đích tự thân mà là sự nối tiếp của chính sách đối nội, phục vụ 3 yêu cầu gắn bó mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau là "an ninh", "phát triển" và "vị thế quốc tế" của đất nước. Mục tiêu đường lối đối ngoại của Việt Nam luôn bao gồm: nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Cái mới trong tư duy là khi bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta coi việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Về tư tưởng chỉ đạo đối ngoại. Hội nghị Trung ương 3 (Khóa VII) đã nhấn mạnh tư tưởng "giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và CNXH, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí và hoàn cảnh của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có thể quan hệ"[14]. Đến Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) tiếp tục nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo công tác đối ngoại là: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với CNXH. Sang giai đoạn hội nhập, Đảng và Nhà nước Việt Nam quán triệt đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập tự chủ và kiên trì theo đuổi chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa theo phương châm "thêm bạn, bớt thù", vừa hợp tác vừa đấu tranh, cố gắng gia tăng hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định[15]. Đồng thời khẳng định Việt Nam là bạn là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Về phương châm đối ngoại. Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (1992), Đảng đề ra và quán triệt thực hiện 4 phương châm xử lý các vấn đề quốc tế là: Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính cao nhất là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế, thúc đẩy mặt hợp tác, đấu tranh để hợp tác có hiệu quả hơn, tránh trực diện đối đầu, tự đẩy mình vào thế cô lập. Giữ vững độc lập tự chủ, đẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. Chú trọng hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước, trong đó đặt cao quan hệ với các nước lớn; chủ động tham gia các tổ chức đa phương trong khu vực và toàn cầu. Tiếp đó, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX năm 2003) đã đưa ra phương châm về đối tượng và đối tác, phân tích một cách biện chứng rằng, trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác vẫn có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Đến Đại hội X (2006) Đảng ta lại đưa thêm phương châm: đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định và bền vững.

Về quan điểm chỉ đạo. Để thực hiện được mục tiêu và tầm nhìn đã được Đảng nêu ra, Đại hội XIII xác định: "Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi…"[16]. Đây là sự kế thừa nội dung "Bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc" đã được Đảng nêu ở các kỳ Đại hội trước. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh nhiều vấn đề khu vực, quốc tế diễn biến phức tạp, khó dự báo, lợi ích đan xen nhau, nên Đại hội XIII đã nhấn mạnh "Bảo đảm cao nhất" để thống nhất trong tư duy nhận thức và hành động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

Như vậy, trong các giai đoạn của sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, việc không ngừng đổi mới tư duy trong hoạch định và triển khai chính sách đã trở thành một quy luật, một bài học quý

và là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Đổi mới tư duy hội nhập quốc tế

Nhìn tổng thể, Việt Nam trong mở cửa hội nhập đã chuyển từ tư duy hội nhập kinh tế trước tiên sang hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

Đại hội VII và "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH", đã mở ra bước đột phá đầu tiên đưa nước ta vào con đường hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội VII bắt đầu nêu chủ trương: "Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại". Nghĩa là tìm cách huy động tiềm năng của nền kinh tế, phát huy lợi thế so sánh tương đối, vừa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, vừa hướng mạnh về xuất khẩu. Tiếp tục coi trọng các thị trường truyền thống, đồng thời nhanh chóng thâm nhập thị trường mới, mở rộng thị trường khu vực...

Các Đại hội VIII (1996), Đại hội IX (2001) và Đại hội X (2006) đã trực tiếp dùng khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế. Về mức độ, đã từ hội nhập kinh tế tiến lên chủ động hội nhập rồi chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn...

Đại hội XI (2011) chủ trương: Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Từ "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác" sang "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế" là một bước phát triển tư duy quan trọng. Tháng 4.2013, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW *Về hội nhập quốc tế c*hỉ rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các định hướng triển khai hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực. Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế đã được triển khai mạnh mẽ tại Đại hội XI, Đại hội XII. Đại hội XII của Đảng đề ra chủ trương "Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"[17], nêu rõ các quan điểm chỉ đạo và các định hướng lớn của hội nhập quốc tế trong từng lĩnh vực để nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế. Theo đó, trong thời gian tới, hội nhập kinh tế quốc tế tập trung vào việc triển khai hiệu quả các cam kết quốc tế, nhất là đối với các hiệp định khu vực mậu dịch tự do mới ký kết; hội nhập trong lĩnh vực chính trị chú trọng việc đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa các khuôn khổ đã được xác lập đi vào thực chất; chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn; đẩy mạnh hội nhập trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác. Đến Đại hội XIII, tư duy hội nhập quốc tế của Đảng lại tiến thêm một bước mới: "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng"[18].

Như vậy là, từ tư duy mở cửa đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của các Đại hội VI, VII và Đại hội VIII, đã được các Đại hội tiếp theo của Đảng bổ sung phát triển cả về lý luận lẫn thực tiễn. Sự bổ sung phát triển này thể hiện mạnh mẽ tính kế thừa và tinh thần đổi mới tư duy, phù hợp thực tiễn, cũng như với thế và lực mới của đất nước. Điều này cũng phản ánh năng lực nắm bắt thời cuộc và khả năng của Việt Nam trong xây dựng một chiến lược đối ngoại, hội nhập hoạt động hiệu quả. Chúng ta tin tưởng rằng, với đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước cùng sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân, chúng ta mới thực hiện được thắng lợi đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phấn đấu "đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao"[19]./.

(1) V.I.Lênin (1980), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, T.26, tr.174.

(2), (3), (4), (5), (8), (9), (12), (13) Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.314,463,618,313,463,618,314,314.

(6), (7), (10), (11), (16), (18), (19) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.1, tr.105,105, 107, 106-107,110,162,36.

(14), (15) Dẫn theo Phạm Bình Minh (chủ biên) (2010), *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.44, 45-46.

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương, Hà Nội, tr.154.